

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2024.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Tài.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Phước

2. Ông Hà Văn Châu

*Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát viên.*

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 368/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1964 (có mặt).*

Địa chỉ: Số C, đường P, Khóm F, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn: Ông Lý Hiệp T1, sinh năm 1956 (vắng mặt).*

Địa chỉ: Số C, đường P, Khóm F, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Lý Hiệp T1 tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 24-7-2003 tại U, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Thời

gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2023 cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do tính tình và quan điểm sống không phù hợp làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà Trần Thị T và ông Lý Hiệp T1 có hai con chung tên là Lý Hiệp L (nam), sinh ngày 01-01-1988 và Lý Thành H, (nam), sinh ngày 23-7-1992.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Những vấn đề cụ thể người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Lý Hiệp T1.

Về con chung: Các con đều đã trưởng thành có thu nhập ổn định để nuôi sống bản thân, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lý Hiệp T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên Tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Đối với bị đơn ông Lý Hiệp T1 đã không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.



[1] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Lý Hiệp T1, xét thấy: Bị đơn ông Lý Hiệp T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng vắng mặt không lý do đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn với ông Lý Hiệp T1. Thấy rằng: Bà Trần Thị T và ông Lý Hiệp T1 tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường U, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng ngày 24-7-2003. Nên hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, đến năm 2023 cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do tính tình và quan điểm sống không phù hợp làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông T1 đến làm việc và hòa giải nhưng ông T1 không đến cũng như không có văn bản trình bày ý kiến, chứng tỏ ông T1 không thiện chí muốn hòa giải mâu thuẫn giữa hai vợ chồng để quay về đoàn tụ. Xét thấy, những mâu thuẫn trên thể hiện được tình trạng hôn nhân của bà T và ông T1 đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được. Từ tháng 08/2023 đến nay, ông bà không còn sống chung với nhau như vợ chồng, thể hiện được cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, ông bà không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc làm cho mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: Theo nguyên đơn trình bày thì trong thời kỳ hôn nhân, bà Trần Thị T và ông Lý Hiệp T1 có hai con chung tên là Lý Hiệp L (nam), sinh ngày 01-01-1988 và Lý Thành H, (nam), sinh ngày 23-7-1992. Hiện nay, cháu L và cháu H đã trưởng thành, tự lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn trình bày là tự thỏa thuận, không yêu cầu. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày là không có, không yêu cầu. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Trần Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ: Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T, sinh năm 1964 được ly hôn với ông Lý Hiệp T1, sinh năm 1956.

2. Về con chung: Cháu Lý Hiệp L (nam), sinh ngày 01-01-1988 và cháu Lý Thành H, (nam), sinh ngày 23-7-1992. Hiện nay, cháu L và cháu H đã trưởng thành, tự lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu án phí về ly hôn số tiền 300.000 đồng; Sau khi cản trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001648 ngày 09/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, bà T đã nộp xong án phí.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).



***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;- UBND phường 3, TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

**Lê Phước Tài**

